

Bản án số:191/2023/HNGĐ-ST

Ngày:18- 8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Y, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Thường trú: Tổ 7A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tầng 15 C, phường , thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Thường trú: Tổ T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 24/4/2023 Nguyên đơn chị Hà Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ

làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị và anh Đ đều xác định không còn tình cảm nên không đoàn tụ được. Kể từ tháng 01/2020 vợ chồng không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020. Hiện hai cháu đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Y còn trình bày: Hiện nay anh Đ vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị đã lâu không liên lạc với anh Đ, anh Đ vẫn liên lạc về cho bố mẹ anh Đ, chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Đ thông qua bố mẹ của anh Đ.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đ được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đ.

Bị đơn anh Trần Đ hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã làm việc thông qua người thân và yêu cầu thông báo cho anh Đ gửi bản tự khai về Tòa án, nhưng từ đó đến nay Tòa án không nhận được bản tự khai của anh Đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2023 và ngày 03/7/2023 do Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định lập theo quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UTTP ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang ông Trần Văn C, sinh năm 1953, địa chỉ: thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là bố anh Trần Đ cung cấp như sau: Ông là bố đẻ của anh Trần Đ, hiện nay con trai ông đang lao động tại Nhật Bản không có mặt tại địa phương, con ông vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại và qua mạng xã hội, về địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được, gia đình ông đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết, anh Đ thông tin lại như sau: Về việc chị Y xin ly hôn anh thì quan điểm của anh Đ là khi nào anh về Việt Nam anh sẽ giải quyết sau.

Về con chung: Anh Đ và chị Y có 02 con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020, anh Đ vẫn

thường xuyên gửi tiền về cho chị Y để chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung khi nào anh Đ về nước thì giải quyết với chị Y.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Hà Bảo T trình bày: Cháu là con của bố Trần Đ và mẹ Hà Thị Y, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ là Hà Thị Y. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ cháu là Hà Thị Y.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hà Thị Y vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Đ đã được triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Y; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Đ là ông Trần Văn C, biên bản lấy lời khai của cháu Trần Hà Bảo T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Hà Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Đ không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Đ; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Đ là đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Y.

Xử cho chị Hà Thị Y được ly hôn anh Trần Đ.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Hà Thị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị Y không yêu cầu. Anh Trần Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Hà Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt đương sự: Chị Hà Thị Y là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Hà Thị Y.

Đối với bị đơn anh Trần Đ vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Trần Đ là ông Trần Văn C để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông C thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Hà Thị Y và anh Trần Đ; Yêu cầu anh Đ viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Ông Trần Văn C trình bày: Anh Đ ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, ông C vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Đ cho Tòa án biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Đ theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hà Thị Y là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Trần Đ, anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 10422/QLXNC-P5 ngày 05/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an) cung cấp, thì anh Đ đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 28/01/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Đ ở Việt Nam là: Tổ T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về con chung” có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Y và anh Trần Đ có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị Y và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Y đối với anh Trần Đ. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Y và anh Đ chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ tháng 01/2020 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Y. Xử cho chị Hà Thị Y được ly hôn với anh Trần Đ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Hà Thị Y và anh Trần Đ có 02 con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày

15/7/2020 hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Ly hôn chị Y đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung, cháu T trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y về yêu cầu nuôi con chung: Hội đồng xét xử thấy anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Đ từ khi đi nước ngoài thì cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020 vẫn ở với chị Y. Nay chị Y có đề nghị được nuôi hai cháu T và cháu T1, cháu Trần Hà Bảo T trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với chị Y. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Y về nuôi con chung. Giao cho chị Hà Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này theo quy định tại điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ: Chị Hà Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị Y được ly hôn với anh Trần Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hà Bảo T, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Trần Hà Bảo T1, sinh ngày 15/7/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Y phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 05/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hà Thị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hà Thị Y vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Trần Đ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

